

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: 30/2024/HS-PT
Ngày: 31-01-2024

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Văn Công Dân.

Các Thẩm phán: 1. Ông Hoàng Kim Khánh.

2. Bà Nguyễn Thị Thu Trang.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Ái Vân - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 07/2024/TLPT-HS ngày 04 tháng 01 năm 2024 đối với bị cáo Trần Văn P phạm tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*”, do có kháng cáo của bị cáo và bị hại đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 350/2023/HSST ngày 23 tháng 11 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

- Bị cáo có kháng cáo:

Họ và tên: **Trần Văn P** - Sinh ngày 05/4/1998, tại: Đắk Lắk. Nơi cư trú: Số E Thôn T, xã X, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Thợ mộc; trình độ học vấn: 8/12; cha: Trần Văn N1 (Đã chết) và mẹ Nguyễn Thị Ái L, sinh năm 1970; bị cáo chưa có vợ con. Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn: Cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện có mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa cho bị cáo: Bà Nguyễn Thị Bích N2 - Trợ giúp viên pháp lý - Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Đ; Địa chỉ: C L, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Có mặt.

*** Bị hại:** Bà Phan Thị Hoàng Đ – Sinh năm 1987; Địa chỉ: Số B thôn H, xã C, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trần Văn P và chị Phan Thị Hoàng Đ có mối quan hệ tình cảm yêu đương với nhau. Khoảng 09 giờ 30 phút, ngày 29/6/2023, chị Đ cùng Trần Văn P đến quán C, địa chỉ: Số F B, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk uống cà phê. Tại đây, P mượn xe mô tô nhãn hiệu HONDA, loại AIRBLADE, màu sơn đỏ - đen, biển số 47B2-155.39 của chị Đ (do bố chị Đ là ông Phan V cho chị Đ mượn sử dụng làm phương tiện đi lại từ tháng 01/2023) để đi nhận tiền lương và ăn sáng thì chị Đ đồng ý. Trần Văn P điều khiển xe mô tô 47B2-155.39 đến địa chỉ: Số A T, phường T, thành phố B (nơi P làm việc) nhưng không lấy được tiền. Do cần tiền trả nợ và tiêu xài cá nhân nên P nảy sinh ý định chiếm đoạt xe mô tô 47B2-155.39. Sau đó, P điều khiển xe mô tô biển số 47B2-155.39 từ thành phố B về huyện K tỉnh Đắk Lắk, rồi đến dịch vụ cầm đồ H, địa chỉ: Thôn T, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk do anh Trần Văn N làm chủ tiệm và đã nói dối với anh N xe mô tô biển số 47B2-155.39 là của bố vợ cho, hiện cần bán để lo công việc thì anh N đồng ý mua với giá 14.000.000 đồng. Sau đó, P viết 01 giấy bán xe, rồi giao xe, 01 chứng nhận đăng ký xe mô tô (đứng tên ông Phan V), 01 bảo hiểm xe mô tô cho chị Nguyễn Thị Mậu K (vợ anh N) rồi lấy tiền tiêu xài cá nhân. Chị Đ nhiều lần gọi điện để đòi xe, P cắt liên lạc và đi đến tỉnh Thừa Thiên - Huế để trốn tránh. Sau đó, chị Đ đến Cơ quan điều tra trình báo sự việc.

Tại Kết luận định giá số 127/KL-HĐĐGTS ngày 13/7/2023, của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng thành phố B, kết luận 01 xe mô tô nhãn hiệu HONDA, loại AIRBLADE, gắn biển số 47B2-15539, số máy: JF63E1150132; số khung: 6301FZ494651; dung tích xi lanh: 125, tài sản đã qua sử dụng, tài sản thu hồi được, trị giá 19.000.000 đồng.

Tại Bản kết luận giám định số 879/KL-PC09 ngày 26/7/2023 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đắk Lắk, kết luận chữ ký, chữ viết trên các tài liệu trên do cùng một người viết ra.

Tại Bản kết luận giám định số 875/KL-KTHS ngày 27/7/2023, của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đắk Lắk kết luận số khung, số máy của xe mô tô 47B2-155.39 không thay đổi.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 350/2023/HSST ngày 23 tháng 11 năm 2023 của Toà án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 175 Bộ luật hình sự;

Tuyên bố: Bị cáo Trần Văn P phạm tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*”.

Áp dụng điểm b, h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Trần Văn P: 09 (chín) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày chấp hành án.

Ngoài ra cấp sơ thẩm tuyên về các biện pháp tư pháp, xử lý vật chứng, trách nhiệm dân sự án phí và quyền kháng cáo của bị cáo, những người tham gia tố tụng theo quy định của pháp luật.

Ngày 04/12/2023 bị cáo Trần Văn P và bị hại bà Phan Thị Hoàng Đ kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Trần Văn P và bị hại bà Phan Thị Hoàng Đ giữ nguyên nội dung kháng cáo; Bị cáo P khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội mà bị cáo thực hiện cơ bản như nội dung bản cáo trạng và bản án hình sự sơ thẩm.

Quá trình tranh luận tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát đã đánh giá tính chất, mức độ, hành vi phạm tội của bị cáo và khẳng định bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột xét xử bị cáo Trần Văn P về tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*” theo điểm a khoản 1 Điều 175 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) là có căn cứ, đúng người, đúng tội. Mức hình phạt 09 tháng tù đối với bị cáo là thỏa đáng, tương xứng với tính chất mức độ hành vi phạm tội của bị cáo gây ra. Tuy nhiên, bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, h, i, s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Mặt khác, bị cáo có nhân thân tốt, nơi cư trú rõ ràng nên không cần cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội, mà để cho bị cáo được tự cải tạo ngoài xã hội dưới sự giám sát, giáo dục của chính quyền địa phương và gia đình cũng đủ tác dụng cải tạo, giáo dục bị cáo và răn đe phòng ngừa chung trong xã hội. Do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, điểm e khoản 1 Điều 357 của Bộ luật tố tụng hình sự, chấp nhận kháng cáo của bị cáo và người bị hại, Sửa một phần bản án số 350/2023/HSST ngày 23 tháng 11 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk xử phạt bị cáo 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách là 18 tháng tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Ý kiến của người bào chữa cho bị cáo: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm, phúc thẩm bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo đã tự nguyện bồi thường đầy đủ cho ông N và bà K, phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; gia đình bị cáo thuộc hộ cận nghèo. Sau khi phạm tội bị cáo ra đầu thú, bố bị cáo là người có công với cách mạng. Bị cáo được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại các điểm b, h, i, s khoản 1; khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự,

không có tình tiết tăng nặng; bị cáo có nơi cư trú ổn định, rõ ràng. Đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt và cho bị cáo được hưởng án treo.

Bị cáo, bị hại không tranh luận, bào chữa gì thêm mà chỉ đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét giảm nhẹ hình phạt và cho bị cáo được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Lời khai của bị cáo Trần Văn P tại phiên tòa phúc thẩm là phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, tại phiên tòa sơ thẩm, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ đã thu thập có trong hồ sơ vụ án nên đã có đủ cơ sở để kết luận: Do ý thức coi thường pháp luật, coi thường về quyền sở hữu tài sản của người khác. Nên khoảng 09 giờ 30 phút ngày 29/6/2023, tại địa bàn thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, bị cáo Trần Văn P đã mượn chiếc xe mô tô 47B2-155.39 của chị Phan Thị Hoàng Đ đi, sau đó bán cho dịch vụ cầm đồ H, chiếm đoạt tài sản định giá trị xe mô tô nhãn hiệu HONDA, loại AIRBLADE, gắn biển số 47B2 - 155.39, trị giá 19.000.000 đồng. Như vậy, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo Trần Văn P về tội "*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*" theo điểm a khoản 1 Điều 175 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[2]. Xét kháng cáo của bị cáo và bị hại, Hội đồng xét xử xét thấy mức hình phạt 09 tháng tù đối với bị cáo Trần Văn P mà Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt là thỏa đáng, tương xứng với tính chất, mức độ, hậu quả do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra. Tuy nhiên trong quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm, phúc thẩm bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo đã tự nguyện bồi thường cho người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, bị cáo phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; gia đình bị cáo thuộc hộ cận nghèo.

Xét thấy bị cáo được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại các điểm b, h, i, s khoản 1; khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, không có tình tiết tăng nặng; bị cáo có nơi cư trú ổn định, rõ ràng. Hoàn cảnh gia đình khó khăn. Vì vậy, cần chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo, của người bị hại sửa một phần bản án sơ thẩm về biện pháp chấp hành hình phạt, cho bị cáo được hưởng án treo nhằm thể hiện tính nhân đạo của pháp luật.

[3]. Về án phí: Do kháng cáo được chấp nhận nên bị cáo, bị hại không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[4]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1]. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, điểm e khoản 1 Điều 357 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo và của người bị hại - Sửa một phần bản án sơ thẩm số 350/2022/HSST ngày 23/11/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk về biện pháp chấp hành hình phạt.

[2]. Điều luật áp dụng và mức hình phạt.

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 175; điểm b, h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Trần Văn P 09 (chín) tháng tù về tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*” nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 18 tháng kể từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Giao bị cáo Trần Văn P cho Ủy ban nhân dân xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk là nơi bị cáo thường trú để giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 92 Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ hai lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

[3]. Về án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo Trần Văn P không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[4]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND Tối Cao;
- TAND Cấp cao
- VKSND tỉnh Đắk Lắk (02 bản);
- Phòng HSNV Công an tỉnh Đắk Lắk;
- VP CQCSĐT Công an tỉnh Đắk Lắk;
- Sở Tư pháp tỉnh Đắk Lắk;
- TAND Tp. Buôn Ma Thuột;
- VKSND Tp. Buôn Ma Thuột;
- Công an Tp. Buôn Ma Thuột;
- Chi cục THADS Tp. B;
- UBND xã E, Huyện K;
- Bị cáo;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Văn Công Dân

